TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CAO BẰNG** **TỈNH CAO BẰNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 97/2019/HSST
Ngày: 07/10/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO BẰNG - TỈNH CAO BẰNG

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Hợp

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nông Văn Vụ
2. Ông Đỗ Đức Dũng

Thư ký phiên tòa: Bà Mã Thị Hoàng Yến - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Trường Long - Kiểm sát viên.

Ngày 01 đến 07 tháng 10 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 80/2019/HSST ngày 27 tháng 8 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 155/2019/QĐXXST-HS ngày 16/9/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng đối với bị cáo:

Họ và tên: **Đặng Văn D**; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 05 tháng 8 năm 1987; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Chứng minh nhân dân: 09099074B, cấp ngày 26 tháng 8 năm 2015 tại Công an tỉnh Thái Nguyên; Trình độ học vấn: 6/12; Nghề nghiệp: lao động tự do; Quê quán: T, Đ, P, Thái Nguyên.

Nơi Đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: xóm T, xã Đ, thị xã P, tỉnh Thái Nguyên; Con ông: Đặng Văn B - sinh năm 1960; Con bà: Nguyễn Thị L - sinh năm: 1964; Đều có HKTT tại: Đ, thị xã P, Thái Nguyên; Anh, chị, em ruột: có 02 anh em, bị cáo là con cả trong gia đình; Vợ: Đỗ Thị Việt H - sinh năm: 1979 (đã ly hôn); Con: có 01 con, sinh năm 2012.

Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo đang tại ngoại tại xóm T, xã Đ, thị xã P, tỉnh Thái Nguyên theo lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú; Có mặt.

- *Bị hại:* Vũ Cúc P

Trú tại: Tổ M, phường H, thành phố C, tỉnh Cao Bằng.

(Có đơn xin xét xử vắng mặt, vắng mặt tại phiên tòa).

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Hoàng Đức Q

Trú tại: Xóm T, xã M, thị xã P, tỉnh Thái Nguyên. (Có đơn xin xét xử vắng mặt, vắng mặt tại phiên tòa).

2. Vũ Nhật T

Trú tại: Xóm B C, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

(Có đơn xin xét xử vắng mặt, vắng mặt tại phiên tòa).

3. Vi Hải H

Trú tại: Tổ H, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng.

(Có đơn xin xét xử vắng mặt, vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng cuối tháng 01 năm 2019, Đặng Văn D làm nghề mộc và tạm trú tại xưởng gỗ tại Tổ B, phường S, thành phố C) có quen và rủ Vũ Cúc P (sinh ngày 07 tháng 10 năm 1994; trú tại: Tổ M, phường H, thành phố C, tỉnh Cao Bằng) đi chơi. P điều khiển xe mô tô Honda Wave RSX màu trắng biển kiểm soát 11B1-097.9N của P đến đón D đi chơi tại khu vực thành phố Cao Bằng.

Buổi chiều cùng ngày, D và P cùng đi xe máy về phường S, do không mang mũ bảo hiểm nên D bước bộ từ vườn hoa phường H về phía cầu S, P điều khiển xe máy theo sau. Khi đi đến đầu cầu S đoạn đối diện hiệu vàng M, D hỏi mượn P xe mô tô để về quê Thái Nguyên ăn tết, hẹn sau tết D sẽ đem xe về Cao Bằng trả cho P. P đồng ý và cho D mượn xe, trong cốp xe mô tô có 01 giấy đăng ký xe mô tô, 01 chứng minh thư nhân dân, 01 giấy phép lái xe đều mang tên Vũ Cúc P và 01 sổ hộ khẩu mang tên Vũ Toàn P (bố đẻ của P).

Sau khi mượn được xe của P, D đi xe về nhà tại xóm T, xã Đ, thị xã P, tỉnh Thái Nguyên ăn tết và dùng để đi lại. Đến khoảng giữa tháng 02/2019, do hết tiền tiêu xài nên D nảy sinh ý định mang xe của P đi thế chấp lấy tiền. D đã mang chiếc xe máy trên đến nhà Hoàng Đức Q (sinh năm 1977; trú tại: Xóm T, xã M, thị xã P, tỉnh Thái Nguyên) thế chấp xe, vay Q 10.000.000đ (mười triệu đồng), sau đó chi tiêu cá nhân và chơi lô đề hết. Đến ngày 22 tháng 3 năm 2019, do không có tiền trả cho Q nên D đã bán lại chiếc xe mô tô trên cho Q để lấy 11.000.000đ (mười một triệu đồng), bao gồm 10.000.000đ (mười triệu đồng) tiền D đã vay trước và 1.000.000đ (một triệu đồng) tiền lãi.

Đến ngày 30 tháng 3 năm 2019 Q bán lại xe mô tô cho Vũ Nhật T (sinh ngày 03 tháng 7 năm 1974; trú tại: Xóm B C, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên) với giá 12.200.000đ (mười hai triệu hai trăm nghìn đồng). Ngày 31 tháng 3 năm 2019 T đã bán lại cho Vi Hải H (sinh ngày 22 tháng 9 năm 1984; trú tại: tổ H, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng) là chủ hiệu cầm đồ H với giá 14.000.000đ (mười bốn triệu đồng).

Sau khi cho D mượn xe mô tô không thấy trả lại, cuối tháng 02 năm 2019, P đi xe khách đến nhà D tại Thái Nguyên để hỏi lấy lại xe, do đã mang xe thế chấp với Q nên D nói dối đã cho em gái mượn xe đi làm tại huyện và hẹn P khi nào lên Cao Bằng sẽ trả xe cùng với các giấy tờ kèm theo.

Đến khoảng 15 giờ ngày 31 tháng 3 năm 2019, chồng của P phát hiện xe mô tô của P đang trong hiệu cầm đồ H tại tổ M, phường S, thành phố C nên báo cho P biết và đến cơ quan Công an thành phố Cao Bằng để trình báo sự việc. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Cao Bằng đã tạm giữ chiếc xe trên.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 16 ngày 24 tháng 4 năm 2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận xe mô tô Honda Wave RSX mang biển kiểm soát 11B1-097.9N có giá trị 12.250.000đ (mười hai triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng)

Hành vi của Đặng Văn D đã bị cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng lập hồ sơ truy cứu trách nhiệm hình sự.

Tại bản Cáo trạng số 81/CT-VKSTP ngày 26/8/2019, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng đã truy tố bị cáo Đặng Văn D về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố. Bị cáo nhất trí với bản kết luận định giá tài sản số 16 ngày 24 tháng 4 năm 2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự cũng như các hành vi tố tụng và quyết định tố tụng của cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình giải quyết vụ án. Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo trình bày có ý thức khắc phục hậu quả, trả cho anh Q số tiền 11.000.000đ mua xe và cung cấp chứng cứ cho tòa án.

Người bị hại Vũ Cúc P có đơn xin xét xử vắng mặt với nội dung đã nhận lại xe máy, đề nghị xét xử bị cáo theo pháp luật.

Về trách nhiệm dân sự của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có hành vi mua bán chiếc xe máy: Các đơn xin xét xử vắng mặt đều hợp lệ nên được chấp nhận; Vi Hải H đã nhận được 14.000.000đ từ Vũ Nhật T, còn Vũ Nhật T đã được nhận lại 12.200.000đ từ Hoàng Đức Q, không có yêu cầu khác.

Đối với Hoàng Đức Q đã mua chiếc xe máy với Đặng Văn D với số tiền 11.000.000đ, ngày 27/9/2019 có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa, đề nghị giải quyết theo pháp luật, nhưng đến ngày 02/10/2019 đã có đơn xác nhận đã được bị cáo bồi thường 11.000.000đ; xin giảm nhẹ hình phạt, xin cho bị cáo được hưởng án treo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng tại phần trở lại tranh luận tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo về tội danh và đề nghị chấp nhận đơn xin giảm nhẹ hình phạt của anh Hoàng Đức Q, là tình tiết giảm nhẹ bị cáo mới xuất trình tại phiên tòa, Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, tuyên bố bị cáo phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản". Đề nghị xử phạt bị cáo

từ 12 đến 18 tháng tù nhưng cho bị cáo hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 đến 36 tháng; không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Bị cáo không tranh luận với đại diện Viện kiểm sát; khi nói lời sau cùng, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an thành phố Cao Bằng, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về tội danh: Tại phiên tòa bị cáo Đặng Văn D đã khai nhận về hành vi phạm tội của mình phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, Kết luận định giá tài sản và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Có đủ căn cứ kết luận: Do có quan hệ quen biết, cuối tháng 01 năm 2019, D mượn xe mô tô Honda Wave RSX biển kiểm soát 11B1-097.9N của P để về quê xóm T, Đ, P, Thái Nguyên ăn tết và đi lại. Khi P điện thoại hỏi đòi xe thì D nói dối cho người khác mượn, hứa hẹn nhưng không trả. Sau đó, D bán xe cho Hoàng Đức Q được 11.000.000đ (mười một triệu đồng) để chi tiêu cá nhân. P đến tận nhà D đòi xe, D tiếp tục hứa hẹn sẽ trả P nhưng thực chất đã đem bán cho Hoàng Đức Q.

Như vậy, bị cáo đã lợi dụng sự cả tin của người bị hại để được giao tài sản là chiếc xe máy, rồi sau đó chiếm đoạt chiếc xe kể từ thời điểm đem bán cho Hoàng Đức Q để lấy tiền chi tiêu, đánh lô đề. Giá trị của chiếc xe theo kết luận của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự là 12.250.000đ (mười hai triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

Bị cáo nhận thức được hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vì lười lao động, muốn có tiền chi tiêu cho bản thân nên vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của bị cáo Đặng Văn D đã đủ các yếu tố cấu thành tội *"Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"* theo quy định tại Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015.

[3]. Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội: hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Thủ đoạn của bị cáo lợi dụng tình cảm và sự cả tin của phụ nữ mới quen để mượn rồi chiếm đoạt tài sản còn đáng bị lên án về mặt đạo đức xã hội. Do đó, hành vi phạm tội của bị cáo cần phải xử lý nghiêm khắc theo quy định của pháp luật.

[4]. Về tình tiết định khung hình phạt: Bị cáo Đặng Văn D chiếm đoạt tài sản có giá trị là 12.250.000đ (mười hai triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) nên bị xét xử theo điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015.

[5]. Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo không có tiền án, tiền sự; hành vi phạm tội có tính chất ít nghiêm trọng, phạm tội lần đầu, tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải nên bị cáo được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ "phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng" và "Người phạm tội thành khẩn khai báo" quy định tại điểm s, i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015; Tại phiên tòa, bị cáo đã bồi thường cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nên được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ "người phạm tội tự nguyện khắc phục hậu quả" tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Anh Q có đơn xin giảm nhẹ hình phạt, xin cho bị cáo được hưởng án treo, được coi là tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[6]. Về hình phạt: Căn cứ tính chất và mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thấy rằng bản chất bị cáo là người lao động có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo tại địa phương nên không cần thiết phải buộc bị cáo chấp hành hình phạt tù. Việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không làm ảnh hưởng đến cuộc đấu tranh chống và phòng ngừa tội phạm ở địa phương. Do đó, có đủ căn cứ cho bị cáo được hưởng án treo, cho bị cáo cơ hội cải tạo thành người có ích cho xã hội.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7]. Sau khi cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Cao Bằng thu giữ chiếc xe Honda Wave RSX mang biển kiểm soát 11B1-097.9N và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, đã trả lại cho chị P hồi 09 giờ ngày 02 tháng 6 năm 2019, thiệt hại gây ra cho người bị hại đã được khắc phục.

Vũ Nhật T đã trả lại 14.000.000đ (mười bốn triệu đồng) cho Vi Hải H và Hoàng Đức Q đã trả lại cho Tân 12.200.000đ (mười hai triệu hai trăm nghìn đồng), việc mua bán xe của bị cáo và anh Q được coi là ngay tình nên bị cáo đã gây thiệt hại cho anh Q 11.000.000đ tiền mua xe; tuy nhiên tại phiên tòa bị cáo đã khắc phục hậu quả. Bị hại và người có nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu khác nên Tòa án không xem xét, giải quyết, song cần ghi nhận trong bản án.

[8]. Về vật chứng, xử lý vật chứng: Đã được giải quyết tại cơ quan điều tra.

[9]. Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[10]. Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo Đặng Văn D phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo, bị hại và những người có quyền lợi liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Đặng Văn D phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

Áp dụng: điểm a khoản 1 Điều 175; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Đặng Văn D.

Xử phạt: Bị cáo Đặng Văn D 12 (mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 (hai mươi tư) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho UBND xã Đ, thị xã P, tỉnh Thái Nguyên giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo Đặng Văn D có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự từ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

2. Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự:

Xác nhận: Bị hại Vũ Cúc P (Trú tại: Tổ M, phường H, thành phố C) đã nhận lại chiếc xe Honda Wave RSX mang biển kiểm soát 11B1 - 097.9N và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô theo biên bản ngày 02 tháng 6 năm 2019 cuả Công an thành phố Cao Bằng.

Vi Hải H (Trú tại: tổ H, phường S, thành phố C) đã nhận với Vũ Nhật T (Trú tại: xóm B, C, Đ, Thái Nguyên) 14.000.000đ (mười bốn triệu đồng); Vũ Nhật T đã nhận với Hoàng Đức Q (Trú tại: Xóm T, xã M, thị xã P, tỉnh Thái Nguyên) 12.200.000đ (mười hai triệu hai trăm nghìn đồng). Hoàng Đức Q đã nhận với bị cáo Đặng Văn D số tiền 11.000.000đ (mười một triệu đồng).

Những người có tên trên không có yêu cầu khác.

3. Về án phí: áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Bị cáo Đặng Văn D phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm để sung vào công quỹ Nhà nước.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên toà, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị hại Vũ Cúc P, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Hoàng Đức Q, Vũ Nhật T, Vi Hải H vắng mặt tại

phiên tòa có quyền kháng cáo phần của bản án có liên quan đến quyền và nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án./.

Nơi nhận:
-Tòa án tỉnh Cao Bằng;
- Công an tỉnh Cao Bằng;
- Sở tư pháp;
- Viện kiểm sát TP Cao Bằng;
- Công an TP Cao Bằng;
- Thi hành án DS TP Cao Bằng;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lương Thị Hợp